

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/ ST- HNGĐ  
Ngày 04-02-2021  
V/v: Tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Mùa Thị Mỹ và bà Vì Thị Vinh

**-Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lương Văn Dục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “ Tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/01/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vì Thị L, sinh năm: 1994; Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Vì Văn S, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 11 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Vì Thị L trình bày:*

Chị Vì Thị L và anh Vì Văn S tìm hiểu, yêu đương và kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 01 năm 2011 do UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La cấp giấy đăng ký kết hôn, việc kết hôn do hai bên tự nguyện không ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh S thường xuyên uống rượu, không quan tâm lo lắng đến cuộc sống chung của vợ con. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, không quan tâm đến nhau và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2020 đến nay. Sự việc xảy ra đã được anh em, họ hàng hai bên tổ chức hòa giải cho hai bên, nhưng cuộc sống vợ chồng không thể đoàn tụ được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị L được ly hôn anh Vì Văn S.

Về con chung: Có 02 con, Vì Trọng H, sinh ngày 18/11/2011 và Vì Hải Đ, sinh ngày 01/4/2016, hiện tại con đang ở với anh S, nguyện vọng của chị L là được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu, và không yêu cầu anh Vì Văn S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vì Văn S và chị Vì Thị Lữ đã tự thỏa thuận được với nhau về chia tài sản và có đơn xin rút yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vì Văn S và chị Vì Thị L đã tự thỏa thuận được với nhau về chia nợ chung và có đơn xin rút yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung.

*Bị đơn anh Vì Văn S trình bày và đề nghị:*

Việc kết hôn của vợ chồng là đúng như chị L đã trình bày trên đây, anh và chị L kết hôn với nhau, có giấy kết hôn do UBND xã C cấp ngày 25/01/2011, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi thành hôn hai vợ chồng sống chung hòa thuận hạnh phúc với nhau một thời gian khá lâu. Đến năm 2020 thì vợ anh viết đơn xin ly hôn anh với lý do là vợ chồng không hợp nhau và không tiếp tục chung sống với anh được nữa. Khi vợ anh có đơn đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên bảo nhưng vẫn không đoàn tụ được và anh, chị L đã sống mỗi người một nơi từ ngày tháng 8 năm 2020 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Trước tòa anh S cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu được ly hôn anh S nhất trí.

Về con chung: Có 02 con, Vì Trọng H, sinh ngày 18/11/2011 và Vì Hải Đ, sinh ngày 01/4/2016, hiện nay hai cháu đang ở với anh S, nguyện vọng của anh S là khi ly hôn anh nhận nuôi cả hai cháu, và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vì Văn S và chị Vì Thị L đã tự thỏa thuận được với nhau về chia tài sản và chị L đã có đơn xin rút yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung, anh cũng nhất trí.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vì Văn S và chị Vì Thị L đã tự thỏa thuận được với nhau về chia nợ chung và có đơn xin rút yêu cầu Tòa án

giải quyết về phần nợ chung, anh cũng đồng nhất với ý kiến trong đơn rút yêu cầu của chị L.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.*

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử vụ án. pháp luật Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng;

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 12 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chị Vi Thị L và anh Vi Văn S không phải là vợ chồng.

- Về con Chung: Chị Vi Thị L và anh Vi Văn S có với nhau 02 con chung: Cháu Vi Trọng H, sinh ngày 18/11/2011 và Vi Hải Đ, sinh ngày 01/4/2016, hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh S. Qua biên bản xác minh tại địa phương và theo nguyện vọng của cháu, cần giao cho anh S, chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục mỗi người một cháu, cần giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Vi Trọng H, chị L được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Vi Hải Đ.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vi Văn S và chị Vi Thị L đã tự thỏa thuận được với nhau về chia tài sản và có đơn xin rút yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

- Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vi Văn S và chị Vi Thị L đã tự thỏa thuận được với nhau về chia nợ chung và có đơn xin rút yêu cầu Tòa án giải quyết về phần nợ chung.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên miễn các loại án phí sơ thẩm dân sự cho các đương sự vì các đương sự thuộc diện dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị L và anh Vi Văn S là trai chưa vợ, gái chưa chồng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đã được UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/01/2011 và đã được tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn hai anh chị ra ở riêng và sống chung hoà thuận hạnh phúc với nhau với thời gian khá lâu (Hơn 9 năm), đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp, mỗi người có quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế và xây dựng hạnh phúc gia đình. Hơn nữa anh S thường xuyên tụ tập rượu, chè say sưa hay về chửi bới chị L và con, khi chị L khuyên nhủ thì anh S lại phản ứng dẫn đến lời qua tiếng lại thường xuyên trách móc, xúc phạm nhau, làm cho tình cảm giữa chị L và anh S sút mẻ rồi không tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Khi có mâu thuẫn xảy ra anh em họ hàng hai bên gia đình đã khuyên giải thuyết phục nhưng hai vợ chồng đã không thể cải thiện được tình cảm. Đến tháng 8 năm 2020 chị L đã về ở với bố mẹ đẻ của chị cho đến nay. Từ ngày đó cho đến nay hai người không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không đi lại thăm hỏi quan hệ tình cảm với nhau. Trước tòa chị L xét thấy tình cảm không còn với anh S và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: “...Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Hơn nữa qua kết quả điều tra xác minh và kết quả thẩm phán công khai tại phiên tòa, xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La vào ngày 25/01/2011, chị Vi Thị L mới được 16 tuổi 9 tháng 12 ngày tuổi. Vì vậy không đủ điều kiện về độ tuổi để đăng ký kết hôn đối với nữ là 18 tuổi trở lên, đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình. Do đó cần tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật và tuyên bố

chị Vì Thị L và anh Vì Văn S không phải là vợ chồng, đồng thời giải quyết về con chung và tài sản chung theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Vì Thị L và anh Vì Văn S có hai đứa con chung là cháu Vì Trọng H, sinh ngày 18/11/2011 và Vì Hải Đ, sinh ngày 01/4/2016, về con chung nguyện vọng của hai bên đều muốn trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Tuy nhiên xét về nguyện vọng của cháu Vì Trọng H muốn được trực tiếp ở với bố (Anh Vì Văn S) vì từ ngày hai vợ chồng ly thân, cháu đã ở với bố, Để đảm bảo quyền lợi cho cháu Vì Trọng H trước mắt cần giao cháu Vì Trọng H cho anh Vì Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành. Cần giao cháu Vì Hải Đ cho chị Vì Thị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu, vì nếu giao cả hai cháu cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sẽ không đủ điều kiện đảm bảo cho các cháu phát triển. Vì anh S thuộc hộ nghèo, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khả năng kinh tế hạn hẹp. Chị L có khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con chung hơn anh S, nên cần giao cháu Vì Hải Đ cho chị Vì Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Các đương sự thuộc diện hộ nghèo do vậy cần xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 1, 3 Điều 11, khoản 2 Điều 12, điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số: 01/2016 TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Vì Thị L và anh Vì Văn S theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04/2011 ngày 25/01/2011 do UBND xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La cấp. Tuyên bố chị Vì Thị L và anh Vì Văn S không phải là vợ, chồng.

**2.** Về con chung: Giao cháu Vì Trọng H, sinh ngày 18/11/2011 cho anh Vì Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Giao cháu Vì Hải Đ, sinh ngày 01/4/2016 cho chị Vì Thị L chăm sóc nuôi dưỡng

giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3. Về tài sản chung; nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết

**4. Về án phí:** Tuyên miễn án phí cho chị Vì Thị L, chị Vì Thị L được trả lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Y, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: AA/2016/0003126 ngày 27/11/2020.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/02/2021) các đương sự anh Vì Văn S, chị Vì Thị L được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát huyện Y;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Văn Bình**